

Số: 178/TB-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 20 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2, năm 2024

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-ĐHXDMT ngày 07/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 309/QĐ-ĐHXDMT ngày 27/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung thông báo tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2, năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Định hướng đào tạo
01	Kỹ thuật xây dựng	8580201	10	Ứng dụng

II. Điều kiện dự tuyển

1. Điều kiện về văn bằng

a. Đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b. Trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển nhưng có học bổ sung kiến thức phải tham gia học bổ sung kiến thức theo quy định của Nhà trường (Danh mục ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức và ngành phù hợp có học bổ sung kiến thức xem **Phụ lục 2** của Thông báo này).

c. Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện về ngoại ngữ đầu vào

Ngoại ngữ đầu vào là một trong sáu ngôn ngữ nước ngoài sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc và tiếng Nhật.

Người dự tuyển đạt yêu cầu ngoại ngữ đầu vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài là một trong sáu ngoại ngữ được nêu ở trên.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Xây dựng Miền Trung cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục 1** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Đối với các thí sinh chưa đủ điều kiện ngoại ngữ ở các mục a, b, c, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung sẽ tổ chức thi đánh giá năng lực Ngoại ngữ đầu vào (Tiếng Anh) bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam. Điểm đạt là điểm từ 50 trở lên tính theo thang điểm 100 và không làm tròn điểm. Kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ chỉ áp dụng 1 lần cho 1 đợt đăng ký dự tuyển của thí sinh, không được bảo lưu cho các đợt đăng ký tiếp theo và không được cấp giấy chứng nhận.

3. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh”;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định như mục a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

III. Địa điểm đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, học phí

1. Địa điểm đào tạo: tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

- Trụ sở chính tại Phú Yên: Số 195 Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên

- Phân hiệu tại Đà Nẵng: Số 544B Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.

2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

3. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo chuẩn: 2 năm (24 tháng).

- Thời gian đào tạo tối đa: 4 năm (48 tháng).

4. Học phí

Học phí đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho năm học 2024-2025 tại Trường Đại

học Xây dựng Miền Trung là: 14.760.000 đồng/01 học kỳ.

Lộ trình tăng học phí thực hiện theo quy định của Nhà nước và được công khai trước khi bắt đầu năm học mới.

IV. Phương thức tuyển sinh và điều kiện trúng tuyển

1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

2. Tiêu chí xét tuyển

a. Tiêu chí 1: Điểm đánh giá dựa trên văn bằng và kết quả tốt nghiệp trình độ đại học hoặc tương đương, điểm đánh giá tối đa là 5,0 điểm.

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Xếp hạng tốt nghiệp	Điểm đánh giá
1	Ngành phù hợp không cần học bổ sung kiến thức	- Loại xuất sắc	5,0
		- Loại giỏi	4,0
		- Loại khá	3,0
		- Loại trung bình khá và trung bình	2,5
2	Ngành phù hợp đã học bổ sung kiến thức	- Loại xuất sắc	4,5
		- Loại giỏi	3,5
		- Loại khá	2,5
		- Loại trung bình khá và trung bình	2,0

b. Tiêu chí 2: Điểm đánh giá bài luận dự tuyển do tiểu ban chuyên môn đánh giá dựa trên bài luận và phỏng vấn trực tiếp người dự tuyển, điểm đánh giá tối đa là 3,0 điểm. Nội dung bài luận dự tuyển bao gồm: giới thiệu bản thân, quá trình công tác, mục tiêu học thạc sĩ, những dự kiến và kế hoạch để đạt được mục tiêu học tập, dự kiến về việc làm sau khi tốt nghiệp, các đề xuất và kiến nghị (nếu có).

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá
1	Nội dung bài luận dự tuyển	1,0
2	Báo cáo thuyết trình bài luận dự tuyển	1,0
3	Trả lời các câu hỏi phỏng vấn	1,0

** Điểm đánh giá bài luận dự tuyển được tính bằng trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn.*

c. Tiêu chí 3: Điểm đánh giá dựa trên thành tích nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm làm việc, điểm đánh giá tối đa là 2,0 điểm.

Stt	Nội dung đánh giá	Điểm đánh giá
1	Có bài báo đăng tạp chí, kỷ yếu hội thảo cấp Quốc gia được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước theo ngành đào tạo	2,0
2	Đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên các cấp	1,0
3	Có kinh nghiệm làm việc trên 2 năm trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến ngành đào tạo	1,0

d. Điểm ưu tiên:

Thí sinh là đối tượng ưu tiên được quy định tại mục II.3 của Thông báo này được cộng 1 điểm (tính theo thang điểm 10) vào tổng điểm để xét tuyển; và được cộng 10 điểm (tính theo thang điểm 100) vào điểm thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào (nếu có).

3. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển được tính bằng tổng điểm của các tiêu chí xét tuyển (tiêu chí 1, 2, 3) và điểm ưu tiên (nếu có), trong đó điểm đánh giá của tiêu chí 2 phải đạt tối thiểu 50% so với điểm tối đa.

4. Điều kiện trúng tuyển

- Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh và điểm xét tuyển của mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điểm trúng tuyển xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm thì thứ tự xét tuyển được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Thí sinh là nữ được ưu tiên lựa chọn theo quy định hiện hành;
- b) Người có điểm cao hơn xếp lần lượt theo tiêu chí 1, 2, 3.

V. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Đơn xin dự tuyển theo mẫu của Nhà trường (01 bản chính theo mẫu của Trường);

2. Sơ yếu lí lịch có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú với thời hạn không quá 06 tháng đến thời điểm nhận hồ sơ dự tuyển (Phụ lục 3);

3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương, bằng điểm hoặc phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học;

4. Bản sao có công chứng chứng nhận văn bằng nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp (nếu có);

5. Bản sao có công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định (nếu có);

6. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp huyện hoặc tương đương trở lên với thời hạn không quá 06 tháng đến thời điểm nhận hồ sơ dự tuyển;

7. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

8. Bài luận dự tuyển không quá 2000 từ được trình bày trên khổ giấy A4 với các nội dung cơ bản: giới thiệu bản thân; quá trình công tác; mục tiêu học thạc sĩ; lý do chọn trường; những dự kiến và kế hoạch để đạt được mục tiêu học tập; dự kiến về việc làm sau khi tốt nghiệp, các đề xuất kiến nghị;

9. Bản sao các bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo cấp Quốc gia được tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước theo ngành đào tạo, bản sao các văn bản liên quan đến giải thưởng về nghiên cứu khóa học sinh viên đã được cấp và các minh chứng về kinh nghiệm làm việc (nếu có);

10. Hai ảnh cỡ 4×6 và 02 phong bì có dán tem, ghi rõ địa chỉ liên hệ.

VI. Thời gian nộp hồ sơ, thời gian học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, lệ phí đăng ký dự tuyển và xét tuyển

1. Nộp hồ sơ dự tuyển

- Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày ra thông báo đến ngày 05/11/2024;
- Lệ phí đăng ký dự tuyển và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh.

2. Thời gian học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ

- Thời gian học bổ sung kiến thức, ôn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: dự kiến từ 10/10/2024 đến 05/11/2024 (theo kế hoạch riêng);
- Thời gian thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: dự kiến ngày 9,10/11/2024;
- Học phí học bổ sung kiến thức: 634.000 đồng/1 tín chỉ;
- Lệ phí ôn và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: 2.000.000 đồng/thí sinh.

VII. Thời gian xét tuyển, công bố trúng tuyển và nhập học

1. Thời gian xét tuyển và công bố trúng tuyển: dự kiến từ 15/11/2024 đến 20/11/2024.

2. Thời gian nhập học: dự kiến 05/12/2024.

VIII. Thông tin liên hệ, tư vấn và nhận hồ sơ:

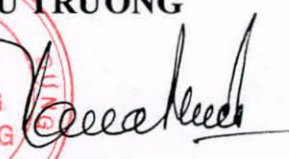
- Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;
- Địa chỉ: số 195, Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên;
- Điện thoại/Zalo: 0962244195; 0986887780; 0977388818;
- Website: <http://tuyensinh.muce.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị;
- Viên chức, người lao động, sinh viên;
- Niêm yết website;
- Lưu: VT; QLDT.



HIỆU TRƯỞNG


TS. Phan Văn Huệ

PHỤ LỤC 1
Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương
Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng
trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

*Ghi chú: Đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Nhà trường sẽ xem xét và gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông báo số 178/TB-ĐHXDMT, ngày 20 tháng 9 năm 2024)

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ NGÀNH PHÙ HỢP CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024 NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG (8580201)

1. Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo không học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo trình độ đại học
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng
2	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
3	7580203	Kỹ thuật xây dựng công trình biển
4	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
5	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
6	7580211	Địa kỹ thuật xây dựng
7	7580212	Kỹ thuật tài nguyên nước
8	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước
9	7510101	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
10	7510102	Công nghệ kỹ thuật xây dựng
11	7510103	Công nghệ kỹ thuật giao thông

2. Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo có học bổ sung kiến thức

STT	Mã ngành	Ngành đào tạo trình độ đại học
1	7580301	Kinh tế xây dựng
2	7580302	Quản lý xây dựng
3	7580101	Kiến trúc
4	7580102	Kiến trúc cảnh quan
5	7580103	Kiến trúc nội thất
6	7580104	Kiến trúc đô thị
7	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị
8	7580106	Quản lý đô thị và công trình
9	7580108	Thiết kế nội thất
10	7580111	Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị
11	7580112	Đô thị học
12	7510101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc
13	7510105	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng

3. Các học phần học bổ sung kiến thức

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết
1	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3	45
2	Kết cấu nhà thép	3	45
3	Kỹ thuật thi công	3	45
4	Tổ chức thi công	3	45
5	Kết cấu thép	3	45
6	Nền và móng	3	45

(Lưu ý: Học viên được xem xét miễn một số học phần học bổ sung kiến thức nếu đã học ở trình độ đại học)

✓

